

Bản án số: **251/2024/DS-ST**
Ngày: 11/12/2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

Các hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

- Bà Phạm Thị Mai Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Bà Lưu Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên (*Vắng mặt tại phiên tòa*);

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2024/TLST-DS ngày 01/10/2024, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXXST-DS ngày 14/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2024/QĐST-DS ngày 26/11/2024 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (*Tên viết tắt là: A*); Địa chỉ trụ sở chính: Số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị L; Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Số A phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (*Theo Giấy ủy quyền số: 3764/UQ-CNTL.24 ngày 08/10/2024 của A*); (*Bà L có mặt*)

Bị đơn: Ông Vũ Hữu Đ, sinh năm: 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1953; Cùng địa chỉ: Số B, ngách A, ngõ I đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; (*Ông Đ và bà N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 07/3/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Á (Tên viết tắt là: A), là Nguyên đơn trình bày: Ngày 21/3/2011, Ngân hàng TMCP Á, phòng G với ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N có ký 01 Hợp đồng tín dụng trả góp số: LOD.CN.01210311. Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, A cấp tín dụng cho ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N, cụ thể như sau: Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng*); Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 99576479 của ông Vũ Hữu Đ tại A; Thời hạn vay: 24 tháng, kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay (từ ngày 21/03/2011 đến ngày 21/03/2013); Mục đích cho vay: Vay tiêu dùng – Đặt cọc tiền nhà; Lãi suất trong hạn: 13,68%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn. A đã giải ngân cho ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N theo 01 Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 21/3/2011, tổng số tiền là 150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nêu trên, ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 31/5/2012, A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ vay chưa thanh toán của ông Đ và bà N. Ngày 30/6/2012 A đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ vay chưa thanh toán của ông Đ và bà N căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên. Tính đến ngày Tòa án xét xử 11/12/2024, ông Đ và bà N tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là: 330.635.989 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 85.210.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 27.360.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 218.065.989 đồng; A đề nghị Tòa án các vấn đề sau đây:

1. Buộc ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 11/12/2024 là: 330.635.989 (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số: LOD.CN.01210311 ngày 21/3/2011 ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Á – Phòng G với Bên vay: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N, trong đó gồm có: Nợ gốc là: 85.210.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 27.360.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 218.065.989 đồng;

2. Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày ông Đ và bà N trả hết nợ cho A.

3. Ông Đ, bà N phải chịu hoàn toàn tiền án phí Tòa án.

Tại Bản tự khai ngày 23/10/2024, ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N là Bị đơn khai như sau: Do tuổi cao sức yếu và hoàn cảnh khó khăn có

vay Ngân hàng một số tiền đến nay không nhớ rõ là bao nhiêu, đã trả được nhiều lần. Hiện nay, không nhớ rõ còn lại là bao nhiêu. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn tôi không trả được cho Ngân hàng nữa. Mong Tòa án và Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình tôi được trả hết nợ gốc, không tính lãi cho gia đình tôi. Do hiện nay tôi và vợ tôi tuổi cao sức yếu không thể đi lại được, tôi đề nghị Tòa án cho phép tôi và vợ tôi được vắng mặt tại tất cả các phiên họp và các buổi việc của Tòa án. Nếu vụ án phải đưa ra xét xử tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi và vợ là Nguyễn Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N nhưng ông Đ và bà N đều vắng mặt tại các phiên họp và hòa giải tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Á (Tên viết tắt là: A) là Nguyên đơn khởi kiện đối với Bị đơn: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N; Cùng địa chỉ: Số B, ngách A, ngõ I đường Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng;

Đây là vụ án Dân sự, tranh chấp Hợp đồng dân sự, Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại: Phường M, quận N, thành phố Hà Nội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/11/2024 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tại phiên tòa vắng mặt Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên theo quy định tại Khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Á (*Tên viết tắt là: A*) là Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N. Nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 11/12/2024 là: 330.635.989 (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số: LOD.CN.01210311 ngày 21/3/2011 ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Á – Phòng G với Bên vay: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N, trong đó gồm có: Nợ gốc là: Nợ gốc là: 85.210.000 đồng (*Bằng chữ: T mười lăm triệu, hai trăm mười nghìn đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 27.360.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*); Nợ lãi quá hạn là: 218.065.989 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*);

2. Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày ông Đ và bà N trả hết nợ cho A.

3. Ông Đ, bà N phải chịu hoàn toàn tiền án phí Tòa án.

Xét Hợp đồng tín dụng trả góp số: LOD.CN.01210311 ngày 21/3/2011 ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Á – Phòng G với Bên vay: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N, thấy: Hợp đồng tín dụng trả góp được ký kết là Người có thẩm quyền, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự ký kết Hợp đồng tín dụng trả góp trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự và Điều 90 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự. Đối chiếu với nội dung của Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên cũng như quá trình thực hiện Hợp đồng, thấy: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N đã vi phạm về kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận tại trong Hợp đồng tín dụng trả góp, nên A khởi kiện, yêu cầu ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N trả nợ A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 11/12/2024 là: 330.635.989 (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 85.210.000 đồng (*Bằng chữ: T mười lăm triệu, hai trăm mười nghìn đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 27.360.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*); Nợ lãi quá hạn là: 218.065.989 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*) và phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong

Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày ông Đ và bà N trả hết nợ cho A, là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Về việc áp dụng lãi suất của A đối với khoản vay của ông Đ và bà N trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên, tại phiên tòa đại diện A xác nhận A không điều chỉnh lãi suất đối với khoản vay của ông Đ và bà N. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà N không có ý kiến khiếu nại về việc áp dụng lãi suất của A đối với khoản vay của ông Đ và bà N.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ để xác định ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 11/12/2024 là: 330.635.989 (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 85.210.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, hai trăm mười nghìn đồng*); Nợ lãi trong hạn là: 27.360.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*); Nợ lãi quá hạn là: 218.065.989 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*) và phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày ông Đ và bà N trả hết nợ cho A.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Đ và bà N liên đới phải chịu: 16.532.000 đồng (*Bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm (*Ông Đ và bà N là người cao tuổi, do không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Đ và bà N không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí Tòa án*).

Hoàn trả lại A số tiền: 6.900.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm A đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 150; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 116; 117; 280; 282; 288; Điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90; 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; Điều 24; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (*Tên viết tắt là: A*) đối với Bị đơn: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Buộc ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 11/12/2024 là: 330.635.989 (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số: LOD.CN.01210311 ngày 21/3/2011 ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Á - Phòng G với Bên vay: Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N;

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên;

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Ông Vũ Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N liên đới phải chịu: 16.532.000 đồng (*Bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

3.2. Hoàn trả lại A số tiền: 6.900.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm A đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (*Biên lai số 0019355 ngày 11/4/2023*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

